

**TÒA ÁN NHÂN C
TỈNH P**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/HC-ST

Ngày: 21/03/2017

*V/v: khiếu kiện hủy Giấy
chứng nhận quyền sử dụng
đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN C TỈNH P

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tiến Bằng

Các hội thẩm nhân C: Bà Nguyễn Thị Phẩm,

Ông Nguyễn Bá Điền

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Đại diện Viện kiểm sát nhân C tỉnh Phú T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21/03/2017 tại trụ sở Tòa án nhân C tỉnh Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 17/2016/TLST-HC ngày 07/11/2016.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐXXST-HC ngày 06/03/2017 của Tòa án nhân C tỉnh Phú T giữa các đương sự:

Người khởi kiện: ông Dương Ngọc O – sinh năm 1942

Địa chỉ: Tổ 14, phường A Miếu, thành phố Việt T, tỉnh Phú T (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:

1. Luật sư Nguyễn Bá Lập – thuộc văn phòng luật sư Hùng Vương – Đoàn luật sư tỉnh Phú T (có mặt)
2. Luật sư Nguyễn Đức Hậu – thuộc văn phòng luật sư Hùng Vương – Đoàn luật sư tỉnh Phú T (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bị kiện: Ủy ban nhân C huyện N, tỉnh Phú T

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Vũ Thế C

Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân C huyện N, tỉnh Phú T (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Dương Thị A – sinh năm 1939

Địa chỉ: Thôn Thước Đức, xã Quế Châu, huyện Quế S, tỉnh Quảng N

2. Ông Dương Văn M – sinh năm 1951

Địa chỉ: Khu 8, xã Phú Lộc, huyện N, tỉnh Phú T

Người đại diện hợp pháp của bà A, ông M:

Ông Dương Ngọc O – sinh năm 1942

Địa chỉ: Tổ 14, phường A Miêu, thành phố Việt T, tỉnh Phú T (có mặt)

3. Ông Dương Văn H – sinh năm 1955

Địa chỉ: Khu 7, xã Phú Lộc, huyện N, tỉnh Phú T (có mặt)

4. Bà Trần Thị B – sinh năm 1964 (vợ ông H)

Địa chỉ: Khu 7, xã Phú Lộc, huyện N, tỉnh Phú T

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Tân Lthuộc Tổng cục VIII Bộ công an đóng tại huyện Hạ H, tỉnh Phú T. (bà B có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Dương Ngọc O trình bày:

Bố ông là cụ Dương Văn Ân – sinh năm 1912 (chết năm 1977), mẹ ông là cụ Hoàng Thị Vĩnh – sinh năm 1919 (chết năm 2002). Bố mẹ ông có tài sản chung là ngôi nhà cấp IV, 04 gian và thửa đất số 94, tờ bản đồ số 16, diện tích 1308m² có địa chỉ tại khu 7, xã Phú Lộc, huyện N, tỉnh Phú T. Trước khi chết, bố ông không để lại di chúc. Thửa đất cùng ngôi nhà trên hiện nay do ông Dương Văn H (con trai út của cụ Ân, cụ Vĩnh) đang sử dụng do trước đây ông H ở chung với bố mẹ. Năm 1996, không hiểu vì lý do gì thửa đất trên lại được Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 133604 cho bà Trần Thị B (vợ ông H) ngày 05/12/1996 đứng tên chủ sử dụng đất. Tại thời điểm được cấp đất bà B không được sự đồng ý của mẹ ông (lúc đó cụ Vĩnh vẫn còn sống). Tuy nhiên vào thời điểm năm 1996 ông O, cụ Vĩnh và các thành viên trong gia đình không ai được biết việc Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho bà B. Việc bà B tự ý đi làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên và đã được Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên. Ngày 20/11/2015 khi Tòa án nhân C huyện N thụ lý vụ án C sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng thông báo cho ông Dương Văn H và bà Trần Thị B là bị đơn thì ông và các anh chị em trong gia đình mới biết thửa đất số 94, tờ bản đồ 16, diện tích 1308m² do bố mẹ ông để lại đã được Ủy ban nhân C huyện

Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 133604 cho bà Trần Thị B (vợ ông H) vào năm 1996. Ông O cho rằng việc Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B đối với thửa đất do bố mẹ ông để lại là trái với quy định của pháp luật, vì đây là tài sản chung của bố mẹ ông để lại nên các con đều được hưởng thừa kế, bà B không được quyền đứng tên đối với thửa đất trên. Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 133604 do Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) cấp cho bà Trần Thị B ngày 05/12/1996.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện ông Vũ Thế C trình bày:

Năm 1994, khi thực hiện kê khai đăng ký đất đai phục vụ công tác lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Phú Lộc, gia đình bà Trần Thị B có 05 khẩu do bà B làm chủ hộ, các thành viên khác gồm ông Dương Văn H (chồng bà B), ông Dương Chung Dũng, ông Dương Chung Hiếu (con bà B, ông H) và cụ Hoàng Thị Vĩnh (mẹ chồng bà B).

Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 133604 là cấp cho hộ bà B do bà B làm chủ hộ đứng đại diện chứ không phải cấp cho cá nhân bà B như nội dung đơn khởi kiện của ông O.

Căn cứ quy định tại mục III, Thông tư 302-TT/ĐKTK ngày 28/10/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất (nay là Bộ tài nguyên và môi trường) thì việc bà B đứng kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp vì bà B là chủ hộ, mặt khác tại thời điểm năm 1994, cụ Vĩnh đã 78 tuổi nên việc chịu trách nhiệm thẳng với Nhà nước trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất là không đảm bảo.

Trong quá trình kê khai đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 1803 hộ gia đình, cá nhân thuộc xã Phú Lộc, huyện N (huyện Phong Châu Cũ) theo Quyết định số 362/QĐ-UB ngày 05/12/1996 của Ủy ban nhân C huyện Phong Châu thì Ủy ban nhân C xã Phú Lộc, Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là huyện N) đã thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư số 302-TT/ĐKTK đã được Sở địa chính (nay là Sở tài nguyên và môi trường) kiểm tra theo quy định. Sau khi hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã tổ chức công khai kết quả xét duyệt kèm theo danh sách các hộ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nhân C trong xã biết, ai có thắc mắc, khiếu nại thì nộp đơn tại Ủy ban nhân C xã Phú Lộc để xem xét giải quyết, trong danh sách công khai có hộ bà Trần Thị B (vợ ông Dương Văn H) và hộ bà Nguyễn Thị Tân (vợ ông Dương Văn M). Bà Tân, ông M là chị dâu và anh trai của ông H, thời gian công khai là 15 ngày (từ ngày 15/10/1995 đến ngày 30/10/1995). Ông O nêu trong đơn khởi kiện ông và mẹ cùng các anh chị em trong gia đình không ai được biết việc Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B vào năm 1996 là không có cơ sở.

Ủy ban nhân C huyện N đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Dương Ngọc O, giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) đã cấp cho bà Trần Thị B năm 1996.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Dương Văn H trình bày:

Ông là con trai của cụ Dương Văn Ân và cụ Hoàng Thị Vĩnh. Bố ông mất năm 1977, mẹ ông mất năm 2002. Bố mẹ ông có tài sản là thửa đất số 94, tờ bản đồ số 16 có diện tích 1308m², trên đất có ngôi nhà cấp IV, 04 gian có địa chỉ tại khu 7, xã Phú Lộc, huyện N, tỉnh Phú T. Lúc còn sống mẹ ông là cụ Hoàng Thị Vĩnh và các anh chị em trong nhà có thống nhất cho ông Dương Ngọc O thửa đất cùng ngôi nhà trên nhưng không lập thành văn bản nào. Mẹ ông khi còn sống không cho ông và bà B thửa đất cùng ngôi nhà trên. Năm 1996, vợ ông là bà Trần Thị B được Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của bố mẹ ông, lúc đó ông và mẹ ông cùng các anh chị em trong gia đình không ai được biết. Ông không đồng tình với việc Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị B đối với diện tích đất của mẹ ông. Vì năm 1996 mẹ ông vẫn còn sống, mẹ ông mới là chủ sở hữu của thửa đất. Bà B không được mẹ ông cho thửa đất trên (không có văn bản nào thể hiện việc mẹ ông cho bà B hay ông thửa đất tại địa chỉ trên) nên không phải là chủ sở hữu hợp pháp của thửa đất. Nay ông Dương Ngọc O khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) đã cấp cho bà B vào năm 1996, ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện trên của ông O và đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của ông O.

Tại biên bản lấy lời khai Bà Trần Thị B trình bày:

Bà là vợ của ông Dương Văn H (con trai cụ Ân, cụ Vĩnh). Bố mẹ chồng của bà là cụ Dương Văn Ân và cụ Hoàng Thị Vĩnh có tài sản là thửa đất số 94, tờ bản đồ số 16, diện tích 1308m² tại khu 7, xã Phú Lộc, huyện N, tỉnh Phú T. Thửa đất trên do bố mẹ chồng bà để lại cho chồng bà là ông Dương Văn H sử dụng nhưng bà không biết có văn bản nào thể hiện việc bố mẹ chồng bà cho chồng bà thửa đất trên hay không? Năm 1996, cán bộ khu đưa cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà đối với thửa đất trên. Khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà không thông báo cho chồng, mẹ chồng và các anh chị em trong gia đình chồng biết. Nay ông Dương Ngọc O khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) cấp cho bà vào năm 1996, bà B đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật. Do đang chấp hành án phạt tù tại Trại Giam Tân L– huyện Hạ H nên bà B đề nghị Tòa án cho bà được xét xử vắng mặt.

Ông Dương Ngọc O với tư cách là người đại diện hợp pháp của bà Dương Thị A và ông Dương Văn M trình bày: ông nhất trí với quan điểm mà ông đã nêu ở trên, không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa, Luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có quan điểm: Ủy ban nhân C huyện Phong Châu cũ (nay là Ủy ban nhân C huyện N) lấy đất là tài sản thừa kế cấp cho người không được hưởng thừa kế, thủ tục không có biên bản họp gia đình của những người được hưởng thừa kế hay di chúc của người có di sản thừa kế. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 133604 do Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) cấp cho bà Trần Thị B ngày 05/12/1996, cụ thể là đối với thửa đất số 94, tờ bản đồ số 16, diện tích 1308m²

Đại diện Viện kiểm sát nhân C tỉnh Phú T phát biểu: về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung giải quyết vụ án: sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân C tỉnh Phú T thấy rằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị B của Ủy ban nhân C huyện Phong Châu cũ (nay là Ủy ban nhân C huyện N) là sai, không đúng với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 133604 do Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) cấp cho bà Trần Thị B ngày 05/12/1996 cụ thể là đối với thửa đất số 94, tờ bản đồ số 16, diện tích 1308m²

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân C tỉnh Phú T; ý kiến của luật sư; lời trình bày của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn khởi kiện của ông Dương Ngọc O về việc yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 133604 do Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) cấp cho bà Trần Thị B ngày 05/12/1996 là khiếu kiện quyết định hành chính về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy đơn hợp lệ, trong hạn luật định nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Dương Ngọc O, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Dương Ngọc O yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 133604 do Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) cấp cho bà Trần Thị B ngày 05/12/1996 nhưng thực chất là yêu cầu Tòa án tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân C huyện Phong Châu cũ cấp cho bà B vào năm 1996 đối với thửa đất số 94, tờ bản đồ số 16, diện tích 1308m² gồm đất ở và đất vườn.

Về nguồn gốc đất: thửa đất số 94, tờ bản đồ số 16, diện tích 1308m² trên đất có ngôi nhà cấp IV, 04 gian địa chỉ tại xã Phú Lộc, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú (nay là xã Phú Lộc, huyện N, tỉnh Phú T) được Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996 là của cụ Dương Văn Ân và cụ Hoàng Thị Vĩnh (bố mẹ đẻ của ông

Dương Ngọc O). Cụ Ân và cụ Vĩnh có 04 người con là: bà Dương Thị A, ông Dương Văn M, ông Dương Ngọc O, ông Dương Văn H. Năm 1977 cụ Ân chết nhưng không để lại di chúc. Sau khi cụ Ân chết, cụ Vĩnh sống chung với vợ chồng ông Dương Văn H và bà Trần Thị B trên diện tích đất trên (con trai và con dâu). Xét thấy, thửa đất nêu trên là tài sản chung vợ chồng của cụ Ân và cụ Vĩnh. Năm 1977 cụ Ân chết nhưng không để lại di chúc, theo đó những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất (cụ Vĩnh, bà A, ông O, ông M, ông H) sẽ được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế mà cụ Ân để lại là 1/2 tài sản và thửa đất nêu trên theo quy định tại Điều 678, 679 bộ luật C sự 1995 (bà B không được hưởng thừa kế vì không thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật C sự). Tuy nhiên, sau khi cụ Ân chết, các thành viên trong gia đình và cụ Vĩnh không họp gia đình hay lập biên bản họp gia đình về việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với di sản thừa kế mà cụ Ân để lại hay văn bản nào thể hiện việc những người thuộc hàng thừa kế từ chối hưởng di sản thừa kế.

Về mặt nội dung: Việc bà B được Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 94, tờ bản đồ số 16, diện tích 1308m² địa chỉ tại xã Phú Lộc, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú (nay là xã Phú Lộc, huyện N, tỉnh Phú T) vào năm 1996 là sai, bởi: trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà B ghi diện tích đất được cấp là 1308m², tức là toàn bộ diện tích là tài sản chung vợ chồng của cụ Ân và cụ Vĩnh. Thời điểm năm 1996, cụ Ân đã chết, cụ Vĩnh vẫn còn sống. Trong diện tích đất cấp cho bà B có một nửa là di sản thừa kế của cụ Ân để lại, một nửa còn lại là của cụ Vĩnh. Nhưng không có bất kỳ một văn bản nào thể hiện việc các thành viên trong gia đình và cụ Vĩnh đồng ý cho bà B tài sản cùng thửa đất trên. Bà B cũng không thuộc đối tượng được hưởng di sản thừa kế do cụ Ân để lại. Hơn nữa, chủ sở hữu hợp pháp đối với một nửa tài sản và thửa đất còn lại là cụ Vĩnh tại thời điểm năm 1996 vẫn còn sống. Xét thấy, đối với phần di sản thừa kế do cụ Ân để lại là một nửa thửa đất và ngôi nhà, những người được hưởng di sản thừa kế không thể hiện việc cho bà B tài sản là di sản thừa kế do cụ Ân để lại tại văn bản nào (không có văn bản nào thể hiện việc này) và nửa tài sản còn lại của cụ Vĩnh cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện việc cụ Vĩnh cho bà B tài sản của cụ Vĩnh. Tại biên bản lấy lời khai, bà B thừa nhận năm 1996 bà nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà đối với thửa đất trên bà không nói cho ai trong gia đình biết. Như vậy, việc Bà B tự ý đi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khi không được sự đồng ý của cụ Vĩnh và các thành viên trong gia đình là sai.

Về hình thức, cụ thể là thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B của Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) năm 1996, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B nằm trong thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung cho 1803 hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã Phú Lộc. Trong quá trình lập hồ sơ, kê khai đăng ký đất đai làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B đối với thửa đất số 94, tờ bản đồ

số 16, diện tích 1308m² địa chỉ tại xã Phú Lộc, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú (nay là huyện N, tỉnh Phú T) thì Ủy ban nhân C xã Phú Lộc và Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) không xác minh rõ về nguồn gốc của thửa đất trên. Bởi thực chất đây là đất thừa kế nên trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp phải có bản di chúc hay biên bản thể hiện việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ Ân để lại, phải có chữ ký hoặc xác nhận của những người được hưởng di sản thừa kế về việc đồng ý cho bà B đứng tên đối phần di sản thừa kế (quy định tại Điều 684 Bộ luật C sự năm 1995) và phải có văn bản thể hiện việc chủ sử dụng hợp pháp đối với 1/2 tài sản còn lại là cụ Vĩnh đồng ý cho bà B diện tích đất còn lại (quy định tại Điều 463 Bộ luật C sự năm 1995). Nhưng trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B không có bất cứ một văn bản nào thể hiện việc này. Hơn nữa, Điều 6 Luật đất đai năm 1993 quy định: “**Nghiêm cấm việc lấn chiếm đất đai, chuyển quyền sử dụng đất trái phép, sử dụng đất không đúng mục đích được giao, hủy hoại đất**”. Do đó, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B của Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) đã vi phạm các quy định pháp luật về C sự và đất đai.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 133604 do Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) cấp cho bà Trần Thị B ngày 05/12/1996 là cần thiết. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Ngọc O.

Về án phí: yêu cầu khởi kiện của ông Dương Ngọc O được chấp nhận nên ông O không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ủy ban nhân C huyện N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân C tỉnh Phú T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 678, 679, 684 của Bộ luật C sự năm 1995; Điều 6 Luật đất đai năm 1993; điểm b, Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Ngọc O về việc yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 133604 do Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là Ủy ban nhân C huyện N) cấp cho bà Trần Thị B ngày 05/12/1996.

Xử:

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 133604 do Ủy ban nhân C huyện Phong Châu (nay là huyện N) cấp cho bà Trần Thị B ngày 05/12/1996, cụ thể hủy phần đối với thửa đất số 94, tờ bản đồ số 16, diện tích 1308m² địa chỉ tại xã Phú Lộc, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú (nay là huyện N, tỉnh Phú T)

- Về án phí: ông Dương Ngọc O không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại cho ông Dương Ngọc O 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông đã nộp theo biên lai thu số 009658 ngày 03/11/2016 của Cục thi hành án C sự tỉnh Phú T. Ủy ban nhân C huyện N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân C cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú T;
- TAND huyện N;
- VKSND huyện N;
- THA huyện N
- Các đương sự.
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Tiến Bằng

